

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **01/2018/DS-ST**

Ngày: 10/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thiện
2. Ông Trần Dương Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLST-DS ngày 13/10/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1965 và ông Đỗ Văn T, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Lê Thị C (theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017).

Địa chỉ: đường P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Lê Tự S, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Năm 2013, gia đình nguyên đơn mở cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật T tại địa chỉ thôn 8, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 40.N.8001XXX ngày 26/8/2013).

Từ năm 2013, bị đơn bắt đầu mua thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của nguyên đơn cụ thể:

Ngày 25/9/2013, bị đơn mua 16 lọ C.L.C và 08 hộp Lân nông phát trị giá 1.880.000đ.

Ngày 27/9/2013, bị đơn mua 01 gói Biothai 1, 01 gói Biothai 2 và 01 gói Super vi lượng trị giá 465.000đ.

Ngày 01/10/2013, bị đơn tiếp tục mua 05 gói Biothai 1 và 05 gói Biothai 2 trị giá 1.675.000đ.

Tổng cộng 4.020.000đ.

Các lần mua hàng trên bị đơn đều chưa thanh toán tiền, nguyên đơn lập Phiếu xuất hàng để bị đơn ký xác nhận nợ. Ngoài ra các bên thỏa thuận miệng với nhau là cuối mùa tiêu năm 2013 (khoảng tháng 3/2014) sẽ thanh toán, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên cuối mùa tiêu năm 2013, bị đơn không thanh toán, nguyên đơn hỏi nhưng bị đơn nói có đòi thì vào nhà đòi. Ngoài các lần mua bán trên, bị đơn còn thực hiện mua thuốc về bán lại cho người khác nhưng đã thanh toán đầy đủ nên không phát sinh tranh chấp. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền thuốc còn nợ là 4.020.000đ.

Do vườn tiêu của bị đơn bị chết 04 cây nên khi mua thuốc bị đơn có nhờ nguyên đơn trực tiếp đến xem và tư vấn. Quá trình xem xét thấy cây bị bệnh thối rễ, tuyến trùng rễ và ngộ độc đất nên nguyên đơn tư vấn một số loại thuốc cho bị đơn. Khi bán thuốc, nguyên đơn có viết hướng dẫn phía sau các phiếu xuất hàng để bị đơn về sử dụng.

Ngoài nội dung thỏa thuận về việc mua thuốc và nợ tiền cuối vụ mùa tiêu năm 2013 trả thì giữa các bên không còn thỏa thuận nào khác, không chấp nhận việc hứa thưởng cũng như việc bị đơn xác định nếu chữa khỏi bệnh mới trả tiền thuốc.

Việc giao dịch mua bán do nguyên đơn thực hiện với ông S nên chỉ yêu cầu ông S trả nợ, không yêu cầu gia đình có nghĩa vụ liên đới, không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi nhưng tại phiên tòa xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu trả số tiền gốc 4.020.000đ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Tự S trình bày:

Năm 2013, cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật T của nguyên đơn khai trương, bị đơn đến trình bày việc vườn cây tiêu của bị đơn đang bị bệnh (đã có 04 cây chết) thì nguyên đơn nói có thể chữa khỏi được và đồng ý nhận theo dõi, chăm sóc cho vườn cây tiêu của bị đơn hết bệnh thì được bị đơn đồng ý và hứa nếu nguyên đơn chữa hết bệnh thì bị đơn sẽ thanh toán toàn bộ tiền thuốc và chi phí thêm tiền công

tư vấn cho nguyên đơn là 10.000.000đ vào cuối mùa thu hoạch tiêu tháng 3/2014. Các nội dung này hai bên chỉ nói miệng với nhau, không viết giấy tờ (khi bị đơn hứa thì nguyên đơn chỉ cười chứ không nói gì) nhưng có nhiều người dân làm chứng; bị đơn từ chối cung cấp tên và địa chỉ, đề nghị Tòa án tiến hành đến địa phương xác minh. Tuy nhiên 03 tháng sau (kể từ ngày nhận thuốc) vườn cây tiêu của gia đình bị đơn chết toàn bộ.

Đối với các phiếu xuất kho nguyên đơn cung cấp tổng giá trị 4.020.000đ đúng là chữ ký của bị đơn, nhưng không phải bị đơn mua thuốc và ký nhận nợ mà đây là ký để xác định giá trị vật chất của thuốc đã sử dụng để bón cho vườn tiêu nhà bị đơn, bị đơn chỉ phải trả tiền thuốc và thưởng khi vườn tiêu khỏi bệnh; các bên không thỏa thuận nếu vườn tiêu chết sẽ xử lý như thế nào.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 4.020.000đ bị đơn đồng ý nhưng nguyên đơn phải phục hồi lại vườn cây nguyên hiện trạng cho bị đơn thì bị đơn mới giao tiền. Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án giải thích quy định về chứng cứ, người làm chứng, đơn yêu cầu cũng như nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đồng ý và xác định chỉ trình bày cho Tòa án xem xét chứ không làm đơn cũng như thực hiện các thủ tục khác.

Bị đơn không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu vì bị đơn đồng ý trả nợ khi nguyên đơn khôi phục lại vườn cây như tình trạng ban đầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Th trình bày:

Việc mua bán, thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn bà Th không biết, không chứng kiến nhưng khi nguyên đơn vào nhà xem bệnh của vườn cây và cam kết không làm chết thêm cây tiêu nào thì bà Th mới được biết nguyên đơn tư vấn và bán thuốc bảo vệ thực vật. Còn các thỏa thuận khác bà Th không biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin trình bày quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 428, 438 BLDS 2005 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 4.020.000đ. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Đối với việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phục hồi lại vườn cây nhưng không thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật nên không có căn cứ xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện và quan hệ tranh chấp: Các bên thực hiện giao dịch mua bán tháng 9, 10/2013 hẹn trả nợ vào cuối mùa tiêu năm 2013

(khoảng tháng 3/2014) nhưng kể từ thời điểm vi phạm đến thời điểm khởi kiện ngày 11/10/2017 là quá 03 năm theo quy định Điều 429 và điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015. Tuy nhiên do các bên không tranh chấp về thời hiệu theo quy định tại Điều 184 BLTTDS 2015 nên quan hệ tranh chấp giữa các bên là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 BLTTDS.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Vào tháng 9, 10/2013 nguyên đơn đã bán thuốc bảo vệ thực vật cho bị đơn 03 lần tổng cộng 4.020.000đ; các bên thỏa thuận bằng miệng cuối năm 2013 thu hoạch tiêu sẽ thanh toán. Nhưng đến hạn bị đơn cho rằng tiêu chết nên không trả, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Đối với ý kiến của bị đơn xác định các chữ ký trong chứng cứ nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký của bị đơn nhưng không đồng ý trả nợ vì cho rằng bị đơn ký xác nhận không phải là nợ do mua hàng mà ký xác định giá trị thực của vật chất, các bên chỉ thanh toán nợ và hứa thưởng khi vườn tiêu khỏi bệnh (nội dung này chỉ thỏa thuận bằng miệng), nay tiêu chết nên bị đơn không trả nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi, theo quy định tại các điều 122, 428 BLDS 2005 quy định về hợp đồng mua bán và điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, tại thời điểm các bên thực hiện giao dịch là tự nguyện thỏa thuận theo đó các bên phải có nghĩa vụ giao hàng và trả tiền.

Đối với việc bị đơn cho rằng nếu chữa khỏi bệnh cho vườn tiêu mới trả tiền thuốc và hứa thưởng số tiền 10.000.000đ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng cũng như không được phía nguyên đơn thừa nhận. Hơn nữa tại thời điểm các bên mua bán thuốc, vườn tiêu của bị đơn đã chết 04 cây; tại phiên tòa bị đơn cũng xác định tiêu đã mắc bệnh thì khó mà chữa khỏi nên ý kiến của bị đơn không có cơ sở xem xét.

Xét việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn khôi phục lại nguyên hiện trạng ban đầu và đề nghị Tòa án đến tận nơi tranh chấp hỏi những người làm chứng nhưng bị đơn không cung cấp họ tên, địa chỉ người làm chứng và không làm đơn cũng như thực hiện các thủ tục tố tụng khác nên không có căn cứ xem xét.

Quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất theo quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất mà chỉ yêu cầu trả gốc là phù hợp.

Xét nguyên đơn, bị đơn đều xác định giao dịch thực hiện không có sự tham gia của vợ bị đơn là bà Th, đồng thời nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình ông S có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp cần chấp nhận.

Các đương sự không tranh chấp với nhau về thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ theo quy định các điều 428, 438 BLDS năm 2005 nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 4.020.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ.

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 203, 266 BLTTDS;

Căn cứ Điều 688 BLDS 2015;

Căn cứ vào các điều 122, 428, 438 BLDS 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C và ông Đỗ Văn T.

Buộc bị đơn ông Lê Tự S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị C và ông Đỗ Văn T số tiền 4.020.000đ (*bốn triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Lê Tự S phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị C và ông Đỗ Văn T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001209 ngày 13/10/2017.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH